

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4-HUẾ
THÀNH PHỐ HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16-9-2025.
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền.

- Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Trần Minh Khôi.

+ Ông Hồ Sỹ Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiền, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố Huế: Bà Trương Thị Khánh Nhac, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4-Huế, thành phố H, số E L, xã P, thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2025/TLST-HNGĐ ngày 02/7/2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố H, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1984; CCCD số 046184011601, cấp ngày 20/01/2025, nơi cấp: Cục C về TTXH, Bộ C1; địa chỉ: Đường T, Tổ dân phố H, xã C-L, thành phố H, có mặt.

- Bị đơn: Anh Trương Ngọc Q, sinh năm 1980; CCCD số 046080007445, cấp ngày 12/01/2022, nơi cấp: Cục C về TTXH, Bộ C1; địa chỉ: Đường T, Tổ dân phố H, xã C-L, thành phố H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị L đề ngày 28/5/2025 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Trương Ngọc Q có tình cảm, yêu thương nhau rồi đi đến kết hôn. Vợ chồng chị L anh Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện P, thành phố H (nay là xã C-L, thành phố H) vào ngày 12/4/2010. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng một thời gian đầu thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Chị L và anh Q tuy sống chung một nhà nhưng đã

không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Bố mẹ hai bên gia đình cũng đã hoà giải nhưng chị L và anh Q vẫn không giải quyết được mâu thuẫn vợ chồng. Hiện tại, tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên khả năng vợ chồng đoàn tụ là không thể. Do đó, chị L khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Trương Ngọc Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình sống chung, vợ chồng chị L anh Q có 03 người con chung là cháu Trương Thị Ngọc V, sinh ngày 18/01/2006, cháu Trương Thị Ngọc T, sinh ngày 20/9/2008 và cháu Trương Ngọc Hoài A, sinh ngày 02/9/2017.

Chị L khởi kiện yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Thị Ngọc T, sinh ngày 20/9/2008 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và giao cháu Trương Ngọc Hoài A, sinh ngày 02/9/2017 cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Do chị L và anh Q đều nuôi con nên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Còn đối với cháu Trương Thị Ngọc V, sinh ngày 18/01/2006 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 04/8/2025 và tại biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải ngày 11/8/2025 chị L thay đổi yêu cầu, chị L đề nghị Tòa án giao cả 02 cháu Trương Thị Ngọc T, sinh ngày 20/9/2008 và Trương Ngọc Hoài A, sinh ngày 02/9/2017 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên toà, chị L thay đổi yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Ngọc Hoài A và giao cháu Trương Thị Ngọc T cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải ngày 11/8/2025 và tại phiên toà, anh Trương Ngọc Q trình bày ý kiến: Anh Q và chị L có tình hiểu, yêu thương nhau, sau đó tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện P vào ngày 12/4/2010 như chị L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh Q chị L sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng sống không hòa hợp, không tìm thấy tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh Q và chị L sống chung một nhà nhưng gần như sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị L nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh Q đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh Q cũng thừa nhận vợ chồng có 03 con chung như chị L trình bày. Anh Q không đồng ý nếu sau ly hôn, giao 02 con chung là cháu Trương Thị Ngọc T, sinh ngày 20/9/2008 và Trương Ngọc Hoài A, sinh ngày 02/9/2017 cho chị L nuôi dưỡng. Anh Q đề nghị Tòa án giao cháu Trương Ngọc Hoài A, sinh ngày 02/9/2027 cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Giao cháu Trương Thị Ngọc T, sinh ngày 20/9/2008 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi vì cháu T là con gái, đang ở độ tuổi dậy thì nên giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, anh là bố anh cũng thương con nhưng việc chăm sóc con gái anh không phù hợp bằng mẹ cháu. Cháu Trương Thị Ngọc V, sinh ngày 18/01/2006 đã đủ tuổi trưởng

thành nên anh Q không yêu cầu. Anh Q và chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q đồng ý như ý kiến chị L là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố H phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tham gia tố tụng.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn với anh Trương Ngọc Q. Về con chung: Giao cháu Trương Ngọc Hoài A, sinh ngày 02/9/2027 cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Giao cháu Trương Thị Ngọc T, sinh ngày 20/9/2008 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh Q và chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Đối với cháu Trương Thị Ngọc V, sinh ngày 18/01/2006 đã đủ tuổi trưởng thành nên không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Trương Ngọc Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, theo quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Q là hợp pháp. Quá trình hôn nhân giữa chị L và anh Q đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn tiếng nói chung. Đã được bố mẹ hai bên gia đình hoà giải nhưng không khắc phục được, đến nay vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị L giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn để ổn định cuộc sống; bị đơn anh Trương Ngọc Q trình bày đồng ý ly hôn với chị L vì không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn quá trầm trọng.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Lê Thị L và anh Trương Ngọc Q đã trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng giữa họ thực sự đã hết, khả năng đoàn tụ vợ chồng là rất khó, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Q cũng đồng ý ly hôn với chị L. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị Lê Thị L và anh Trương Ngọc Q có 03 người con chung là cháu Trương Thị Ngọc V, sinh ngày 18/01/2006, cháu Trương Thị Ngọc T, sinh ngày 20/9/2008 và cháu Trương Ngọc Hoài A, sinh ngày 02/9/2017. Xét điều kiện, thiện tại chị L và anh Q đều là công nhân, có công việc và thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện kinh tế nuôi con sau ly hôn. Tại phiên toà, chị L thay đổi yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Ngọc Hoài A và giao cháu Trương Thị Ngọc T cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng. Còn anh Q yêu cầu được nuôi cháu Trương Ngọc Hoài A, giao cháu Trương Thị Ngọc T cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng. Toà án đã ghi nhận ý kiến và nguyện vọng của con chung là cháu Trương Thị Ngọc T và cháu Trương Ngọc Hoài A đều muốn được ở cùng mẹ. Tuy nhiên, hiện tại chị L là công nhân, thu nhập của chị L một mình nuôi 02 cháu là không đảm bảo. Xét thấy, cháu Trương Thị Ngọc T, sinh ngày 20/9/2008 là cháu nữ đang độ tuổi dậy thì nên giao cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Còn cháu Trương Ngọc Hoài A, sinh ngày 02/9/2017 là cháu nam nên giao cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bị đơn, giao cháu Trương Thị Ngọc T cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, giao cháu Trương Ngọc Hoài A, sinh ngày 02/9/2017 cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp; chị L và anh Q không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Trương Thị Ngọc V, sinh ngày 18/01/2006 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), nên chị L và anh Q không yêu cầu là phù hợp.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 205, Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn anh Trương Ngọc Q.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Thị Ngọc T, sinh ngày 20/9/2008 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; giao cháu Trương Ngọc Hoài A, sinh ngày 02/9/2017 cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi; chị L và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Trương Thị Ngọc V, sinh ngày 18/01/2006 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), nên chị L và anh Q không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được phép cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số: 0002151 ngày 25/6/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Lộc, thành phố H nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Huế, thuộc Thi hành án dân sự thành phố H. Chị L đã nộp đủ và không phải nộp thêm.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP Huế;
 - VKSND TP Huế;
 - VKSND khu vực 4-Huế;
 - THADS TP Huế;
 - UBND xã Chân Mây-Lăng Cô,
- Số 25, ngày 12/4/2010;
- Các đương sự;
 - Lưu:HSVA;HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA